

*

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 8 năm 2019

DANH SÁCH ĐIỂM THI

PHẦN I.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 9, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG HỖ

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Lê Lan Anh	-	-	-	-	Không ĐKDT
2	Lê Thị Châm Anh	-	-	-	-	Không ĐKDT
3	Phạm Thị Vân Anh	-	-	-	-	Không ĐKDT
4	Phùng Thị Ánh	1	73	7.5	Bảy rưỡi	
5	Triệu Phúc Bảo	2	74	7.0	Bảy	
6	Trần Thanh Bình	3	67	7.0	Bảy	
7	Nguyễn Thị Cảnh	4	68	8.0	Tám	
8	Nguyễn Quyết Chiến	5	69	7.5	Bảy rưỡi	
9	Liễu Văn Chu	6	70	7.0	Bảy	
10	Lý Quang Chuyên	7	71	8.0	Tám	
11	Phuong Thị Dân	8	72	7.5	Bảy rưỡi	
12	Nguyễn Thị Ánh Đào	9	61	8.0	Tám	
13	Lâm Văn Đức	10	62	8.0	Tám	
14	Bàn Tài Đức	11	63	7.0	Bảy	
15	Đặng Hữu Đức	12	64	7.5	Bảy rưỡi	
16	Trần Thị Ngọc Hà	-	-	-	-	Không ĐKDT
17	Trịnh Thanh Hà	13	65	8.0	Tám	
18	Nguyễn Thị Thu Hằng	14	66	7.5	Bảy rưỡi	
19	Nguyễn Hữu Hiền	15	55	7.5	Bảy rưỡi	
20	Nông Thị Hiệp	16	56	8.0	Tám	
21	Nguyễn Thị Hiếu	17	57	7.0	Bảy	
22	Đặng Ngọc Hiếu	18	58	7.5	Bảy rưỡi	
23	Nguyễn Thị Như Hoa	19	59	8.0	Tám	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
24	Lê Thanh Hòa	20	60	5.0	Năm	
25	Trần Thị Thúy Hoàn	-	-	-	-	Không ĐKDT
26	Lý Thị Hoàn	21	49	7.5	Bảy rưỡi	
27	Âu Thị Hoàn	22	50	7.0	Bảy	
28	Bùi Thị Thúy Hồng	-	-	-	-	Không ĐKDT
29	Dương Thị Hợp	23	51	7.0	Bảy	
30	Nguyễn Thị Huân	24	-	-	-	Vắng thi
31	Hà Văn Hưng	25	52	7.0	Bảy	
32	Dương Văn Huy	26	53	7.0	Bảy	
33	Hoàng Văn Huy	27	54	7.0	Bảy	
34	Nguyễn Quang Huy	28	43	7.0	Bảy	
35	Triệu Thị Thu Huyền	29	44	7.5	Bảy rưỡi	
36	Trần Thị Minh Huyền	30	45	7.0	Bảy	
37	Diệp Thu Huyền	31	46	7.5	Bảy rưỡi	
38	Lê Duy Khương	-	-	-	-	Không ĐKDT
39	Ngô Văn Lâm	32	47	7.5	Bảy rưỡi	
40	Triệu Thị Lan	33	48	7.0	Bảy	
41	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	34	37	8.0	Tám	
42	Nguyễn Thị Diệu Linh	-	-	-	-	Không ĐKDT
43	Hoàng Thị Linh	35	38	8.0	Tám	
44	Vũ Thị Kim Loan	36	39	8.0	Tám	
45	Lâm Văn Long	37	40	7.0	Bảy	
46	Nguyễn Thị Lương	38	41	8.0	Tám	
47	Nguyễn Văn Lượng	39	42	7.5	Bảy rưỡi	
48	Ma Từ Thị Mai Ly	40	-	-	-	Vắng thi
49	Thân Thị Lý	41	31	7.5	Bảy rưỡi	
50	Đỗ Thị Quỳnh Mai	42	32	8.0	Tám	
51	Lý Quý Minh	43	33	7.5	Bảy rưỡi	
52	Triệu Văn Minh	44	34	6.5	Sáu rưỡi	
53	Triệu Thị My	45	35	7.5	Bảy rưỡi	
54	Lăng Thị Mỹ	46	36	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
55	Chu Thị Nga	47	25	8.0	Tám	
56	Hoàng Thị Phương Ngân	-	-	-	-	Không ĐKDT
57	Nông Thị Ngọc	48	26	7.5	Bảy rưỡi	
58	Lê Văn Nguyên	49	27	7.0	Bảy	
59	Phạm Thị Nguyệt	50	28	7.5	Bảy rưỡi	
60	Đoàn Thị Nhạn	-	-	-	-	Không ĐKDT
61	Lê Hồng Nhíp	51	29	7.0	Bảy	
62	Phạm Thị Trang Nhung	52	30	7.5	Bảy rưỡi	
63	Bùi Thị Khánh Ny	-	-	-	-	Không ĐKDT
64	Ngô Thúy Oanh	53	19	7.5	Bảy rưỡi	
65	Bàn Tài Phú	54	20	7.0	Bảy	
66	Nguyễn Văn Phước	55	75	7.5	Bảy rưỡi	
67	Vũ Văn Phước	56	21	7.0	Bảy	
68	Trần Thị Phụng	57	-	-	-	Vắng thi
69	Bàn Tài Quý	58	22	7.5	Bảy rưỡi	
70	Trần Ngọc Quỳnh	59	23	7.5	Bảy rưỡi	
71	Phạm Huy Sanh	60	24	7.0	Bảy	
72	Vũ Thanh Sơn	-	-	-	-	Không ĐKDT
73	Bàn Văn Sơn	61	13	7.0	Bảy	
74	Trịnh Thị Tâm	62	14	7.5	Bảy rưỡi	
75	Dương Văn Thành	-	-	-	-	Không ĐKDT
76	Bàn Trung Thành	63	15	7.0	Bảy	
77	Nguyễn Thị Thảo	-	-	-	-	Không ĐKDT
78	Phạm Thị Phương Thảo	64	16	7.0	Bảy	
79	Kiều Xuân Thịnh	65	17	7.5	Bảy rưỡi	
80	Nguyễn Thị Hồng Thoa	66	18	7.5	Bảy rưỡi	
81	Hoàng Thị Hồng Thu	67	07	7.5	Bảy rưỡi	
82	Trần Thị Thương	68	08	8.0	Tám	
83	Lý Thị Thương	69	09	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
84	Nguyễn Thị Bích Thủy	70	10	7.0	Bảy	
85	Phạm Thanh Thủy	71	11	7.0	Bảy	
86	Đỗ Thu Trang	72	12	8.0	Tám	
87	Bàn Trung Tuấn	73	01	7.0	Bảy	
88	Nguyễn Vũ Nhật Tuấn	74	02	7.0	Bảy	
89	Hoàng Ngọc Tùng	75	03	7.5	Bảy rưỡi	
90	Trần Sơn Tùng	76	04	7.0	Bảy	
91	Trần Thị Tuyết	77	05	7.0	Bảy	
92	Ngô Thị Thanh Uyên	78	06	7.5	Bảy rưỡi	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên